

XÁC ĐỊNH MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP NỘI THỊ VÀ NÔNG NGHIỆP NGOẠI THỊ

Lê Văn Trường*

1. Đặt vấn đề

Các đô thị ra đời đã kéo theo sự hình thành và phát triển loại hình nông nghiệp mới của nhân loại đó là nông nghiệp đô thị. Nông nghiệp đô thị là sự thống nhất của hai bộ phận cấu thành: nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị. Trước đây, các nhà nghiên cứu của trường phái địa lý Xô Viết đã đạt được nhiều thành công trong việc nghiên cứu loại hình nông nghiệp ngoại thành. Bước sang thập kỷ 90 (thế kỷ XX), các nhà nghiên cứu trên thế giới, mà tiên phong là Luc J.A Mougeot (1994) và Drakakis-Smith (1966), bắt đầu tập trung vào việc phân tích những đặc điểm kinh tế, xã hội và môi trường của các bộ phận nông nghiệp này. Năm 2006, Lê Văn Trường đã phân tích những điểm khác nhau của nông nghiệp đô thị và nông nghiệp nông thôn [1]. Nghiên cứu của chúng tôi dưới đây nhằm xác định một số đặc điểm của nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị trên quan điểm địa lý kinh tế-xã hội.

2. Hướng tiếp cận và các chỉ số nghiên cứu

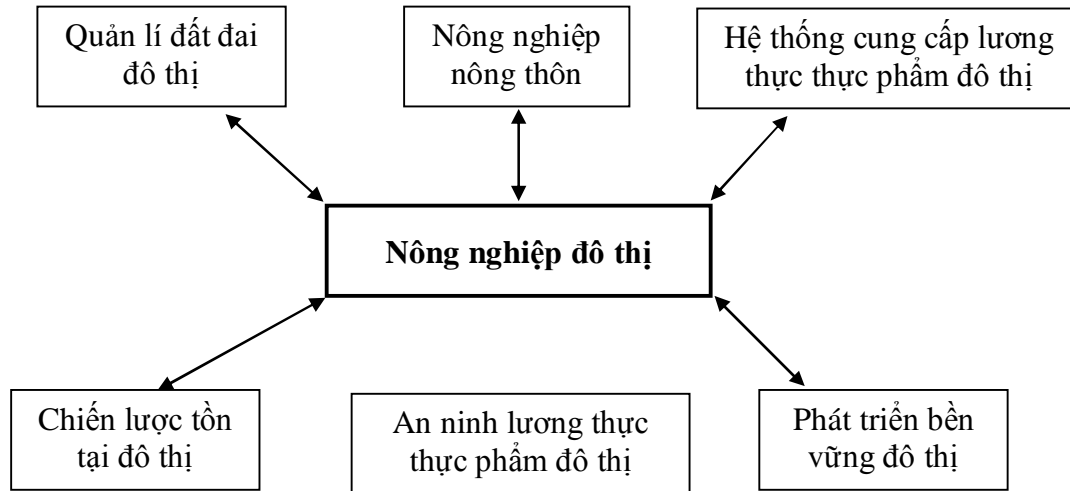
2.1. Hướng tiếp cận

Chúng tôi xuất phát từ ba hướng tiếp cận sau đây để xác định đặc điểm của nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị:

Hướng thứ nhất: xuất phát từ những đặc điểm của khu vực nội thị và ngoại thị để nghiên cứu đặc điểm nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị.

Hướng thứ hai: tiếp cận theo quan điểm hệ thống. Đô thị được coi là hệ thống lớn với sự kết hợp của 3 tiểu hệ thống: hệ thống kinh tế, hệ thống xã hội và hệ thống sinh thái. Nông nghiệp đô thị nói chung, nông nghiệp nội thị và ngoại thị được gắn vào và tương tác với cả 3 tiểu hệ thống trên. Những tương tác đó được thể hiện một phần ở sơ đồ của Luc J.A Mougeot đưa ra năm 2002 dưới đây.

*TS. - Trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hoá



Nông nghiệp đô thị trong mối quan hệ với các lĩnh vực khác của đô thị

Nguồn: Luc J.A Mougeot. 2002 [4, p 8].

Hướng thứ ba: tổng hợp những đặc điểm chung nhất những nghiên cứu thực tế (case study) nông nghiệp của hàng loạt đô thị trên thế giới: Bắc Kinh, Java, Đac ca, Havana, Mexico city, Nairôbi, Luân Đôn, Pari, New York, Sao pao lô... và trong nước như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng..... [10], [6].

2.2. Các chỉ số nghiên cứu:

René Van Veenhuizen [5], AVRDC and CIRAD [6], FAO [7] và RUAF [2] thường sử dụng 6 chỉ số để nghiên cứu nông nghiệp đô thị nhằm phân biệt với nông nghiệp nông thôn: chủ thể, định vị, sản phẩm, hoạt động kinh tế, thị trường tiêu thụ và trình độ sản xuất.

Tuy nhiên, còn hàng loạt các vấn đề khác của nông nghiệp đô thị mà các tác giả chưa đề cập đến như chức năng, lãnh thổ, tác động môi trường, trình độ sản xuất, tính mùa vụ, dịch vụ, công nghệ sản xuất và công nghệ sau thu hoạch, hiệu quả kinh doanh, hướng chuyên hóa...

Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng 15 chỉ số (định tính và định lượng) sau đây: 1-Thời gian xuất hiện, 2-Vị trí và lãnh thổ, 3-Chức năng, 4-Nguồn lực phát triển, 5-Dân cư và lao động, 6-Kiểu hộ gia đình, 7- Cơ cấu ngành nghề, 8-Tính mùa vụ, 9- Dịch vụ nông nghiệp, 10- Công nghệ sản xuất và công nghệ sau

thu hoạch, 11- Thị trường tiêu thụ nông sản, 12- Trình độ thâm canh, 13- Hiệu quả kinh doanh, 14- Tác động môi trường và 15-Hướng chuyển hóa.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Quan niệm về nông nghiệp đô thị, nội thị và ngoại thị

FAO-COAG (1999) coi: Nông nghiệp đô thị và ngoại vi đô thị là các hoạt động nông nghiệp xảy ra bên trong và xung quanh các thành phố, sử dụng toàn bộ các nguồn lực tự nhiên (đất, nước, năng lượng,...), cũng như từ các dịch vụ cung ứng cho các mục đích khác để đáp ứng các nhu cầu của dân cư đô thị. Các hoạt động quan trọng của nông nghiệp đô thị và ngoại vi đô thị bao gồm: làm vườn, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp [7].

Luc Mougeot (2002) quan niệm: Nông nghiệp đô thị là một ngành sản xuất định vị ở ngoại ô hay trung tâm đô thị, có chức năng sản xuất, đa dạng hoá các loại lương thực, thực phẩm và các loại sản phẩm phi lương thực khác, tái sử dụng các nguồn chất thải đô thị, sử dụng các sản phẩm và dịch vụ đô thị, vùng lân cận đô thị, đồng thời cung cấp trở lại cho khu vực này các sản phẩm và dịch vụ cao cấp [4].

RUAF Foundation (2006) coi nông nghiệp đô thị là một ngành sản xuất định vị trong hoặc ngoại vi một thị trấn, một thành phố hay một kết tụ thành phố với việc trồng trọt và chăn nuôi, sản xuất, phân phối thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp khác, sử dụng rộng rãi nguồn tài nguyên nhân văn, tài nguyên tự nhiên (đất, nước, gen, không khí và năng lượng mặt trời) và dịch vụ ở trong và xung quanh đô thị, đồng thời cung cấp trở lại cho đô thị các sản phẩm vật chất, phi vật chất và dịch vụ [2].

FAO-COAG [7] quan niệm:

- Nông nghiệp nội thị bao gồm những khu vực nhỏ (mảnh đất nhỏ, vườn, ven đường, ban công, thùng...) trong đô thị dùng để trồng trọt và nuôi gia súc nhỏ hoặc bò sữa phục vụ cho tự tiêu dùng hay tiêu dùng ở thị trường hàng xóm.

- Nông nghiệp ngoại thị bao gồm những đơn vị nông trại gần đô thị tiến hành kinh doanh toàn phần hay bán phần rau quả và các cây trồng khác, nuôi gia cầm và gia súc, sản xuất sữa và trứng.

Như vậy nông nghiệp đô thị bao gồm hai bộ phận: nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị. Trong đó nông nghiệp ngoại thị bao gồm bộ phận nông nghiệp nằm trong ranh giới hành chính của đô thị và bộ phận nông nghiệp liền kề đô thị đang chịu tác động trực tiếp của đô thị và mang chức năng của nông nghiệp đô thị.

3.2. Đặc điểm của nông nghiệp nội thị và ngoại thị

TT	Đặc điểm	Nông nghiệp nội thị	Nông nghiệp ngoại thị và ven đô
1	Thời gian xuất hiện	Xuất hiện muộn và phát triển theo sau quá trình phát triển đô thị.	Xuất hiện muộn và phát triển dưới tác động chủ yếu của quá trình đô thị hóa.
2	Vị trí và lãnh thổ	-Khu vực nội thị -Quy mô nhỏ, manh mún, xen ghép về mặt lãnh thổ với các hoạt động kinh tế khác nhau. -Nhiều tầng (tiến hành cả trên nóc nhà tầng, ban công). -Lãnh thổ sản xuất nông nghiệp khá ổn định do quy hoạch đô thị đã hoàn tất.	-Khu vực ngoại thị -Lãnh thổ rộng lớn, được quy hoạch rõ ràng, hình thành các vùng chuyên canh, các vành đai nông nghiệp. -Lãnh thổ kém ổn định, dễ bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa theo bề rộng.
3	Chức năng	-Là bộ phận cấu thành quy hoạch đô thị -Là hệ thống kinh tế-sinh thái. -Cung cấp thực phẩm tươi sống cho hộ gia đình và khu vực hàng xóm.	-Vai trò trung gian giữa nông nghiệp nông thôn và nông nghiệp nội thị. -Cung cấp lương thực và thực phẩm cho đô thị và các thị trường khác. -Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. -Gồm các hệ thống sinh thái: đồng ruộng, thủy vực và rừng.
4	Nguồn lực phát triển	-Nguồn lực tự nhiên đóng vai trò thứ yếu, nguồn lực chất thải, lao động, cơ sở hạ tầng. -Yếu tố nhu cầu đóng vai trò chủ yếu còn các yếu tố tự nhiên tuy được tính đến nhưng thường giữ vai	-Yếu tố tự nhiên đóng vai trò quan trọng. -Nguồn lực tự nhiên, lao động, cơ sở hạ tầng. -Cơ sở hạ tầng khá phát triển và có tính chuyên môn hoá cao.

		trò thứ yếu. -Thiếu cơ sở hạ tầng riêng. -Giá thuê đất canh tác cao.	-Giá thuê đất canh tác thấp hơn.
5	Dân cư và lao động	-Dân cư tham gia sản xuất nông nghiệp có nhiều nhóm người khác nhau. Mật độ dân cư nông nghiệp rất thấp. -Lao động trong nông nghiệp phần lớn là lao động tại chỗ và lao động nữ. Tỷ lệ thời gian dành cho nông nghiệp thấp, trừ những người làm việc trong các công ty cây xanh. -Trình độ canh tác, khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cao, khả năng tiếp thị tốt và linh hoạt -Thời gian rảnh rỗi ít do có nhiều công việc phi nông nghiệp. - Tiền công lao động cao.	-Dân cư tham gia sản xuất nông nghiệp chủ yếu là nông dân. Mật độ dân cư nông nghiệp khá cao. -Lao động sử dụng toàn bộ hay phần lớn thời gian cho hoạt động nông nghiệp. -Phần lớn là lao động tại chỗ, có thu nhập thấp. -Trình độ canh tác, khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cao, khả năng tiếp thị tốt và linh hoạt. -Thời gian rảnh rỗi nhiều do ít công việc phi nông nghiệp. -Tiền công lao động thấp hơn
6	Kiểu hộ gia đình, doanh nghiệp	-Kinh doanh hỗn hợp. -Dễ thay đổi ngành nghề. -Ít doanh nghiệp và có qui mô nhỏ, phần lớn là một vài người trong hộ gia đình.	-Phần lớn thuần nông, ít nghề -Chậm thay đổi ngành nghề. -Doanh nghiệp nhiều, quy mô trung bình và lớn.
7	Cơ cấu ngành nghề	Trồng rau, đậu, hoa, cây cảnh, cây bóng mát, cây chắn bụi, cây ăn quả; nuôi thủy sản, gia súc, gia cầm, lâm nghiệp.	Trồng cây lương thực, rau đậu, cây ăn quả, hoa và cây cảnh, cây công nghiệp hàng năm; nuôi thủy sản, súc vật, gia cầm; lâm nghiệp.
8	Tính mùa vụ	-Tiến hành quanh năm, có nhiều sản phẩm nông nghiệp trái vụ, tính mùa vụ không lớn. -Hệ số sử dụng đất cao	-Tiến hành quanh năm, nhưng tính mùa vụ rất rõ ràng. -Hệ số sử dụng đất khá cao.
9	Dịch vụ nông nghiệp	-Tiếp cận với dịch vụ nông nghiệp khó khăn, cơ cấu dịch vụ nông nghiệp kém đa dạng và phát triển không đồng bộ. -Tín dụng phát triển.	-Dịch vụ nông nghiệp phát triển, tiếp cận với dịch vụ nông nghiệp dễ dàng, cơ cấu dịch vụ đa dạng. -Tín dụng kém phát triển.
10	Công	-Khó áp dụng công nghệ và chủ yếu	-Phát triển khá mạnh ở cả ba qui

	nghệ sản xuất, chế biến và bảo quản	là những công nghệ ở quy mô nhỏ, trình độ trung bình. -Sử dụng năng lượng thương mại để chế biến và bảo quản.	mô (nhỏ, trung bình, lớn) và ba trình độ (thấp, trung bình, cao). -Sử dụng năng lượng thương mại và năng lượng tự nhiên để chế biến và bảo quản.
11	Thị trường tiêu thụ nông sản	-Thị trường tại chỗ (tự tiêu dùng trong gia đình và hàng xóm), đa dạng và khó tính. Dung lượng thị trường lớn. -Thông tin thị trường phát triển.	-Thị trường chủ yếu là các đô thị, thị trường tại chỗ dung lượng thấp. -Thông tin thị trường kém phát triển hơn.
12	Trình độ thâm canh	-Cao. -Sử dụng các phương pháp canh tác hiện đại là chủ yếu.	-Cao -Sử dụng các phương pháp canh tác hiện đại và cổ truyền.
13	Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường.	-Hiệu quả về mặt môi trường, thẩm mỹ, xã hội, giáo dục khá cao, nhưng hiệu quả kinh tế rất thấp. -Năng suất lao động thấp. -Đóng góp cho GDP rất nhỏ.	-Hiệu quả về mặt kinh tế cao, còn hiệu quả về các mặt môi trường, thẩm mỹ, xã hội, giáo dục thấp hơn. -Thu nhập tính trên 1 ha khá cao -Năng suất lao động cao. -Đóng góp đáng kể cho GDP.
14	Tác động môi trường	-Giảm thiểu các thiên tai; bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn năng lượng, nguồn nước; tái sử dụng chất thải; tạo cảnh quan đẹp và không gian xanh cho đô thị. -Dễ gây ra nguy cơ nhiễm bệnh từ vật nuôi cho người trên qui mô nhỏ và ô nhiễm nguồn nước do sử dụng nhiều hoá chất nông nghiệp. -Chất lượng không khí kém.	-Tác động môi trường của nông nghiệp rất mạnh, chủ yếu tới các thành phần sinh vật, đất, nước, không khí. -Dễ gây ra nguy cơ nhiễm bệnh từ vật nuôi cho người và ô nhiễm nguồn nước trên quy mô lớn do sử dụng nhiều hoá chất nông nghiệp. -Chất lượng không khí tốt hơn.
15	Hướng chuyên hóa	Nông nghiệp nội thị không thể chuyên hóa thành nông nghiệp ngoại thị, trừ một số trường hợp đặc biệt.	Nông nghiệp ngoại thị dễ dàng chuyên hóa thành nông nghiệp nội thị do quá trình mở rộng đô thị.

4. Kết luận

Nông nghiệp nội thị và ngoại thị không phải là những tàn dư của nông nghiệp nông thôn, không phải là địa bàn hoạt động của những người di cư từ

nông thôn tới mà là những bộ phận cấu thành của đô thị. Nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị là những loại hình nông nghiệp mới của nhân loại và chúng đang phát triển rất nhanh dưới tác động chủ yếu của quá trình đô thị hóa. Hai khu vực nông nghiệp này mặc dù cũng sử dụng đất đai làm tư liệu sản xuất cơ bản và cây, con làm đối tượng sản xuất chủ yếu, song chúng có nhiều đặc điểm khác nhau và khác hẳn với nông nghiệp nông thôn cả về vị trí, qui mô, chức năng, cơ cấu, trình độ phát triển... Do vậy việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch và hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp nội thị và ngoại thị sẽ phải có những mục tiêu và nội dung khác nhau và khác với việc hoạch định các chính sách phát triển nông thôn. Dĩ nhiên việc nghiên cứu địa lý nông nghiệp nội thị và ngoại thị sẽ phải có những nội dung và cách tiếp cận mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. AVRDC and CIRAD (2004), *Urban and Peri-Urban Agriculture in Ha Noi*. Bulletin, No 32.
- [2]. FAO (2001), *Urban and Peri-Urban Agriculture*, Rome, July.
- [3]. Lê Văn Trường (2006), *Nghiên cứu xác định một số đặc điểm của nông nghiệp đô thị*, Thông báo khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội.
- [4]. Luc J. A. Mougeot (2005), *AGROPOLIS: The Social, Political and Environmental Dimensions of Urban Agriculture*, Canada.
- [5]. Maria Caridad Cruz, Roberto Sanchez Media (2003), *Agriculture in City: A key to sustainability in Havana, Cuba*.
- [6]. Petra Jacobi, Axel W. Drescher and Jorg Amend (2000), *Urban Agriculture - Justification and Planning Guidelines*, Dar es Salaam/Freiburg, May.
- [7]. René Van Veenhuizen (2006), *Cities Farming for the Future*, Published by RUAF Foundation, IDRC and IIRR, Philippines.
- [8]. RUAF (2002), *Urban Agriculture Magazin*. Special issue for the World Summit on Sustainable Development, Johan nesburg.
- [9]. RUAF. *What and Why is Urban Agriculture*.
- [10]. SIDA (2003), *Annotated Bibliography on Urban and Periurban Agriculture*, Netherlands.

Tóm tắt**Xác định một số đặc điểm của nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị**

Dựa trên các tài liệu và các phương pháp khác nhau, tác giả đã nghiên cứu các khía cạnh: thời gian hình thành, lãnh thổ, chức năng, nguồn lực phát triển, dân cư và lao động, hệ thống trang trại, cơ cấu ngành, tính mùa vụ, hệ thống dịch vụ, công nghệ sản xuất và chế biến nông phẩm, trình độ thâm canh, hiệu quả, thị trường tiêu thụ sản phẩm, tác động môi trường và hướng chuyển đổi của nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị.

Abstract**Identifying some features of Urban and peri-Urban Agriculture**

Based on different materials and methods, the author has identified some features: establishment time, territory, functions, source to development, labour, farms, structures, harvest time, service, technology used, market, level of intensive farming, effect, environment impacts and orien-transformation of urban and peri-urban agriculture. The study indicates that there are some differences between urban and peri-urban agriculture.